

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 7 - 2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hữu Nhân

2/ Bà Trương Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 245/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1212/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1265/2022/QĐST –HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Minh N, sinh năm 1973; Địa chỉ: số 28, đường H, khu vực A, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1978; Địa chỉ: số 28, đường H, khu vực A, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Minh N trình bày: anh và chị Trần Thị L tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) H, thị xã A vào ngày 02/11/2004. Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống tại số 28, đường H, phường H, cuộc sống vợ chồng bình thường. Đầu năm 2016, chị L bỏ nhà đi, không rõ lý do. Anh đã đăng Báo Tuổi trẻ, Đài Tiếng nói Việt Nam để tìm kiếm chị L nhưng không có kết quả. Tháng 5/2021, anh yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Trần Thị L mất tích. Ngày 20/12/2021, Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn đã

tuyên bố chị Trần Thị L mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 32/2021/QĐST – DS. Thực tế hôn nhân giữa anh và chị Trần Thị L đã không tồn tại từ năm 2016 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị L.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Lê Trần Minh T, sinh ngày 10/7/2005, cháu hiện đang sống với anh. Ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Bị đơn chị Trần Thị L*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành việc niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú cuối cùng của chị L, nhưng chị L không có mặt theo giấy triệu tập, không có ý kiến phản hồi bằng văn bản gửi Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đối với vụ án từ giai đoạn thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: cho anh Lê Minh N được ly hôn với chị Trần Thị L; về con chung: giao cháu tên Lê Trần Minh T, sinh ngày 10/7/2005 cho anh Lê Minh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, nên miễn xét; về tài sản chung: anh Lê Minh N không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét; về án phí: buộc anh Lê Minh N phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Minh N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Bị đơn chị Trần Thị L có nơi cư trú cuối cùng tại phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[2] Anh Lê Minh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Trần Thị L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2, nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh N và chị Trần Thị L tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã A ngày 02/11/2004, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Theo anh Lê Minh N thì sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống bình thường. Đến năm 2016, chị Trần Thị L bỏ nhà đi không rõ lý do. Ngày 20/12/2021, Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn đã tuyên bố chị Trần Thị L mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 32/2021/QĐST – DS. Anh yêu cầu được ly hôn chị L.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng chị Trần Thị L không đến Tòa án và không có ý kiến phản hồi. Xác minh tại địa phương thể hiện chị Trần Thị L bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2016, không biết đi đâu, làm gì và thực tế hôn nhân giữa anh Lê Minh N và chị Trần Thị L đã không tồn tại từ năm 2016 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh N, cho anh được ly hôn chị Trần Thị L theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Anh Lê Minh N và chị Trần Thị L có một người con chung Lê Trần Minh Tiến, sinh ngày 10/7/2005. Cháu Tiến hiện đang sống với anh Lê Minh N và có nguyện vọng được ở với ba, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Lê Minh N, giao cháu Tiến cho anh Lê Minh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Anh N không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, nên miễn xét.

[7] Về quan hệ tài sản: Anh N không yêu cầu Tòa giải quyết, nên miễn xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, anh Lê Minh N phải chịu 300.000(ba trăm nghìn) đồng.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 277; khoản 1, khoản 3 Điều 228, các Điều 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Minh N.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh Lê Minh N được ly hôn chị Trần Thị L.

1.2. *Về con chung:* Giao cháu Lê Trần Minh T, sinh ngày 10/7/2005 cho anh Lê Minh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Lê Minh N không yêu cầu giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

1.4. *Về quan hệ tài sản:* Anh Lê Minh N không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Anh Lê Minh N phải chịu 300.000(ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000(ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0005247 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- UBND phường Nhơn Hưng;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Phượng